TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2024/HS - PT
Ngày 11 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Vinh và ông Hồ Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính và bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Ma Phúc K, Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn Ả do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Tôn Thanh H, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1973 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Viên chức; chức vụ: Nguyên Phó giám đốc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện C, tỉnh Tuyên Quang; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tôn Đức M1 và bà Lưu Thị N1 (đều đã chết); chồng: Trần Viết K1; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên, Ủy viên ban chấp hành chi bộ Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện C thuộc Đảng bộ cơ quan chính quyền huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, tại Quyết định số 474 ngày 29/9/2022 của Ban thường vụ Huyện uỷ Chiêm Hoá).

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2022 đến ngày 31/10/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

2. Ma Trọng Đ, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1976 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Trọng T và bà Hà Thị K2; vợ Hoàng Thị Đ1; con:

02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên (Đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, tại Quyết định 39 ngày 29/9/2022 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10).

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2022 đến 24/10/2022, hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

3. Ma Phúc K, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1969 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Cán bộ, Phó Chủ tịch UBND huyện C10; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Phúc N2 và bà Hà Thị K3; vợ Vương Thị C1; con: 02 con; chức vụ, Đảng đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện C, khóa XXII, nhiệm kỳ 2020-2025. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện C, khoá XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Đã bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tại Quyết định 174 ngày 20/02/2023 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy T27; Tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND huyện C khoá XX, nhiệm kỳ 2021 – 2026, tại Quyết định số 20/QĐ - HĐND ngày 09/02/2023 của Thường trực HĐND huyện C khoá XX; bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 195-QĐ/UBKTTU ngày 31/8/2023 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy T27 và đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, tại Quyết định số 1006-QĐ/TU ngày 04/12/2023 của Tỉnh ủy T27).

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

4. Linh Văn H1, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1983 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nhân viên thú y xã; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Linh Công T1 và bà Đinh Thị H3; vợ Quan Thị H4; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 58-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

5. Nguyễn Thế H2, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1967 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nhân viên thú y xã; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế L (đã chết) và bà Ma Thị Ẻ; vợ Lương Thị D1; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên (bị đình chỉ sinh hoạt đảng, tại Quyết định số 41-QĐ/UBKTHU ngày 30/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy L6. Bị khai trừ ra khỏi Đảng, tại Quyết định 44-QĐ/UBKTHU ngày 20/10/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy L6, tỉnh Tuyên Quang).

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

6. Hoàng Văn M, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1981 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nhân viên thú y xã; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Khắc V1 (đã chết) và bà Nông Thị T2; vợ Nguyễn Thị D2; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt đảng, tại Quyết định số 59-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

7. Triệu Cao Cường, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1979 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nhân viên thú y xã; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T3 (đã chết) và bà Hà Thị P; vợ Hoàng Thị P1; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 60-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

8. Bàn Văn N, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng (Dẫn tinh viên, được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo trâu, bò); trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn V2 và bà Triệu Thị L1; vợ Linh Thị Thu H5; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 61-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

9. Hà Công D, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1987 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nhân viên thú y xã; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Công K4 và bà Triệu Thị M2; vợ Hà Thị N3; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 62-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

10. Hà Văn Ả, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1979 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi thường trú, chỗ ở: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Nhân viên thú y xã; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Duy T4 và bà Hứa Thị X; vợ Nguyễn Thị T5; con: 02 con; đảng, đoàn thể: Là Đảng viên Đ5, bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 63-QĐ/UBKTHU ngày 29/8/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy C10.

Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Tôn Thanh H:*

+ Ông Dương Đức D3 - Luật sư, Văn phòng L7, Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: P, tòa nhà V, B đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Tôn Thanh H, Ma Phúc K, Triệu Cao C, Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hà Công D, Bàn Văn N:*

+ Ông Nguyễn Văn H6 - Luật sư, thuộc Công ty L8, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Ma Trọng Đ:*

+ Ông Vũ Quang B - Luật sư, Công ty L9, Đoàn Luật sư tỉnh T. (Có mặt).

** Người bào chữa cho các bị cáo Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2:*

+ Ông Hoàng Văn V3 - Trợ giúp viên Pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Hà Công D:*

+ Ông Phạm Thế N4 - Trợ giúp viên Pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn N*: Ông Phạm Thế N4 - Trợ giúp viên Pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (Có mặt).

***** Nguyên đơn dân sự: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh T. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H7, chức vụ Phó Giám đốc. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đình V4, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Trần Sỹ Đ2, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q1 – Bộ C11.

3. Ông Ma Văn D4, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

4. Ông Seo Văn S, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

5. Bà Ma Thị T6, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

6. Ông Phạm Văn C2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

7 Ông Hà Văn N5, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

8. Bà Hứa Thị L2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

9. Ông Lê Mạnh C3, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

10. Bà Hoàng Thị Thúy T7, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

11. Ông Ma Văn T8, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

12. Ông Đỗ Văn H8, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

13. Ông Ma Văn T9, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

14. Ông Phùng Tuấn C4, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

15. Ông Nông Văn T10, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

16. Ông Lâm Phúc H9, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

17. Ông Vũ Công Đ3, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

18. Ông Lý Đức Q, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

19. Bà Lương Thị T11, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

20. Ông Ma Doãn Đ4, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

21. Ông Trần Văn C5, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

22. Ông Ngô Đình S1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

23. Ông Nguyễn Trường M3, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

24. Ông Kiều Văn T12, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

25. Ông Hà Công C6, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

26. Ông Quan Văn T13, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

27. Bà Quan Thị H10, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

28. Ông Ngô Văn P2, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

29. Ông Hà Ngọc A, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

30. Ông Sầm Văn C7, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

31. Ông Ma Đình L3, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

32. Ông Ma Doãn N6, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

33. Ông Chẩu Văn H11, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

34. Ông Ma Đình H12, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

35. Ông Vũ Đình T14, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

36 Ông Tạ Văn Ú, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

37. Bà Nguyễn Thị T15, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

38 Bà Ma Thị Thanh H13, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

39. Ông Ma Văn G, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

40. Ông Bàn Văn H14, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

41. Ông Hoàng Anh C8, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

42. Ông Hứa Văn C9, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

43. Ông Phạm Đình H15, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

44. Bà Nông Thị Lệ H16, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

45. Ông Dư Xuân D5, sinh năm 1976; Nơi ĐKHTT: Thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

46. Ông Tống Công P3, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

47. Bà Nguyễn Thị Mai L4, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

48. Ông Nguyễn Đại T16, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

49. Ông Bùi Đình D6, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số E, đường K, tổ A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

50. Bà Trần Thị Mai P4, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

51. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Đại diện theo pháp luật: Ông Ma Công D7, chức vụ Giám đốc.

52. Ông Ma Công D7 sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

53. Ông Triệu Xuân H17, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

54. Ông Hoàng Văn H18, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

55. Ông Hà Đình K5, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

56. Ông Ma Bá T17, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

57. Ông Nguyễn Đăng T18, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

58. Bà Ma Thị S2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

59. Ông Nông Kim T19, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

60. Ông Trần Minh T20 (Trần Văn T21), sinh năm 1985; Địa chỉ: Số F, ngõ I Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

61 Bà Nguyễn Thị N7, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:

1. Ông Đào Đình H19, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ A, phường C, quận N, thành phố Hà Nội;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T22, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Chung cư G, tổ D, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội;

3. Ông Hà Doãn D8, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/9/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 50/2014/QĐ - TTg, về thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 trên toàn quốc. Ngày 10/4/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh T27 ban hành Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND về quy định chi tiết nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015- 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017 – 2020 (gọi tắt là Quyết định 03), trong đó Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo cho trâu, bò *(cụ thể là hỗ trợ về liều tinh và vật tư phối giống),* UBND tỉnh T27 giao trách nhiệm cho UBND các huyện, thành phố *"thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn, đảm bảo công khai, minh bạch".*

Ngày 29/12/2017, Sở N, Sở T, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang ban hành Hướng dẫn số 2668/HDLN-NN-TC-KH hướng dẫn về hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi theo Quyết định số 03, theo đó việc hỗ trợ kinh phí thực hiện theo nguyên tắc hỗ trợ sau đầu tư *(việc hỗ trợ thực hiện sau khi các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng hưởng chính sách hoàn tất việc đầu tư, như: Mua con giống, cung cấp tinh, vật tư phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo cho gia súc, hoàn thành việc đào tạo, tập huấn thụ tinh nhân tạo cho gia súc... theo quy định),* đồng thời hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ liều tinh, vật tư phối giống, cụ thể như: (*Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hàng năm; danh sách đăng ký của hộ chăn nuôi, các đơn vị cung ứng được UBND tỉnh chỉ định, tổ chức cung ứng, cấp phát tinh và vật tư theo địa bàn xã để phối giống nhân tạo cho gia súc theo tiến độ, định mức có ký nhận của hộ chăn nuôi (theo mẫu số A1/DS-TTNT và A2/DS-TTNT). Định kỳ hàng quý tổng hợp kết quả đã cung ứng các loại tinh gia súc, vật tư trình UBND cấp xã kiểm tra, xác nhận làm căn cứ thanh quyết toán. Căn cứ danh sách cấp phát tinh gia súc và vật tư đã được UBND cấp xã xác nhận, Đơn vị cung ứng tổng hợp kinh phí (theo mẫu số B1/TH-TTNT và B2/TH-TTNT, báo cáo UBND cấp huyện kiểm tra, xác nhận kết quả cung ứng và gửi kết quả về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Chăn nuôi và thú y)".* Ngày 15/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh T27 ban hành Quyết định số 228/QĐ - UBND về việc chỉ định và công bố danh sách 18 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, cung cấp liều tinh và vật tư kỹ thuật chăn nuôi thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện C10 sau khi nhận được Quyết định số 03 của UBND tỉnh, lãnh đạo UBND huyện đã giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu xây dựng Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 18/4/2019 để thực hiện Quyết định số 03. Ngày 27/4/2019, Chủ tịch UBND huyện C10 ban hành Quyết định số 1509/QĐ-UBND về việc quyết định thành lập Tổ thẩm định nghiệm thu con giống, vật tư thụ tinh nhân tạo gia súc theo Quyết định số 03; Ngày 18/9/2019, Chủ tịch UBND huyện C10 ban hành Quyết định số 4153/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 1509/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ thẩm định thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 03. Ngày 26/5/2020, UBND huyện C10 ban hành Kế hoạch số 102/KH-UBND về thực hiện Quyết định số 03 trong năm 2020 và triển khai thực hiện từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020, trong Kế hoạch đã giao Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện C là trạm trung chuyển liều tinh trâu, bò, vật tư phối giống trên địa bàn huyện C; hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định số 03; Ngày 04/11/2020 UBND huyện C10 ban hành văn bản số 1865/UBND –NLN về việc đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quyết định số 03/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 06/10/2020 và ngày 28/12/2020, UBND tỉnh T27 ban hành Quyết định số 1397/QĐ-UBND và Quyết định số 2026/QĐ-UBND về việc phê duyệt và giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 03 đợt 1 và đợt 2, dự toán kinh phí bổ sung cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện chính sách theo Quyết định số 03 trong năm 2020, gồm kinh phí hỗ trợ nhu cầu phối giống nhân tạo cho gia súc và vật tư phối giống.

Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt và giao dự toán kinh phí. Ngày 02/11/2020, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh T ban hành văn bản số 1672/SNN-KH về

việc Thông báo kế hoạch kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 03 (đợt 1), văn bản này gửi đến UBND các huyện, thành phố và các đơn vị cung ứng đã được UBND tỉnh chỉ định theo Quyết định 228 ngày 15/3/2018. Trong đó, Sở Nông nghiệp yêu cầu: Các đơn vị cung cấp liều tinh và vật tư kỹ thuật chăn nuôi lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí liều tinh, vật tư phối giống nhân tạo, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp trình thẩm định, phê duyệt hỗ trợ. Cụ thể, đợt 1: Thanh toán liều tinh, vật tư phối giống nhân tạo theo khối lượng thực tế thực hiện năm 2020 tính từ ngày UBND các huyện, thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện đến ngày 30/9/2020 *(Các đơn vị cung ứng gửi hồ sơ đề nghị thanh toán trước ngày 10/11/2020);* Đợt 2: Thanh toán liều tinh, vật tư phối giống nhân tạo theo khối lượng thực tế thực hiện năm 2020 tính từ ngày 01/10/2020 đến hết ngày 31/12/2020 *(Các đơn vị cung ứng gửi hồ sơ đề nghị thanh toán trước ngày 05/01/2021).* Trình tự, thủ tục thanh toán thực hiện theo Hướng dẫn số 2668/HDLN-NN-TC-KH ngày 29/12/2017 của L2 Sở, cụ thể: Đối với thanh toán liều tinh, N8 lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống, găng tay, ống gen: Hồ sơ lập theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.2.1, mục II Hướng dẫn số 2668/HDLN-NN-TC-KH ngày 29/12/2017; Riêng đối với khối lượng thực hiện trước ngày 30/10/2020, ngoài hồ sơ theo hướng dẫn nêu trên, phải bổ sung thêm bản danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống, có chữ ký của từng hộ chăn nuôi, gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác nhận. Đối với thanh toán bình bảo quản Nitơ loại 35-47 lít và N8 lỏng dùng để bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển: Hồ sơ lập theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.2.2, mục II - Hướng dẫn số 2668/HDLN-NN-TC-KH ngày 29/12/2017. Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn UBND cấp xã, các đơn vị cung cấp liều tinh và vật tư kỹ thuật chăn nuôi lập hồ sơ, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu, xác nhận kết quả hỗ trợ tinh, vật tư thụ tinh nhân tạo cho gia súc (trâu, bò) trên địa bàn của cơ sở cung ứng được chỉ định để làm cơ sở thanh quyết toán *(theo điểm 4 mục III Hướng dẫn số 2668/HDLN-NN-TC-KH).*

Trong thời gian từ 01/6/2020 đến hết tháng 11 năm 2020 các cơ sở sản xuất, kinh doanh theo chỉ định của UBND tỉnh T27 không cung ứng liều tinh và vật tư để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định 03 cho người dân trên địa bàn huyện C, nhưng Tôn Thanh H với chức vụ là Phó Giám đốc Trung tâm D, được phân công nhiệm vụ trực tiếp triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND và Kế hoạch số 102/KH-UBND của UBND huyện C10, khoảng tháng 9/2020, H đã tổ chức cuộc họp giao ban bộ phận chăn nuôi, thú y, trong cuộc họp có nhân viên thú y, các dẫn tinh viên của các xã, thị trấn tham dự, sau đó H chỉ đạo các dẫn tinh viên, gồm: Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Hà Doãn D8, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn Ả, lập khống Danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2b/DS-TTNT)* để hoàn thiện hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò thời điểm từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020 theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND, đồng thời H chỉ đạo Ma Trọng Đ, là viên chức Trung tâm D hướng dẫn các Dẫn tinh viên thực hiện lập khống các danh sách trên. H1, H2, M, C, D8, N, D, Ảnh là các Dẫn tinh viên, đã được đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề và làm dịch vụ thụ tinh nhân tạo trâu, bò cho các hộ dân có nhu cầu trên địa bàn các xã, thị trấn nhiều năm nay (khi thực hiện thụ

tinh nhân tạo trâu, bò cho hộ dân các dẫn tinh viên đều thu tiền dịch vụ với giá trung bình là 400.000 đồng/một con trâu, bò).

Sau khi được H chỉ đạo, mặc dù biết trong thời gian từ tháng 6 đến hết tháng 11 năm 2020, không có đơn vị nào cung ứng liều tinh và vật tư thụ tinh nhân tạo để triển khai hỗ trợ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND, nhưng theo sự chỉ đạo của Tôn Thanh H, nên H1, H2, M, C, D8, N, D và Ảnh đã ghi khống vào các cột họ và tên, địa chỉ, ngày cấp (tinh, vật tư), số lượng trâu, bò phối giống, ký xác nhận vào mục người cung ứng, tại các danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2b/DS-TTNT),* sau đó trình một số danh sách cho lãnh đạo UBND các xã, thị trấn ký, đóng dấu xác nhận rồi chuyển lại cho Ma Trọng Đ và Tôn Thanh H tổng hợp thành số liệu quyết toán, cụ thể:

- **Linh Văn H1:** Lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A1);* ký xác nhận vào mục người cung ứng, mục dẫn tinh viên tại các danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS- TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(M- TTNT)* không phải do H1 lập, một số danh sách đã được điền số liệu trước đó, tại địa bàn các xã: T, H, V, P, T, H, Hùng M4, Ngọc H20, N, Phúc T23, T, B và thị trấn V, thuộc huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND các xã, thị trấn ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 624 liều tinh trâu; 197 liều tinh bò; 953 lít ni tơ; 1170 đôi găng tay; 1170 ống gen. Số tiền theo các danh sách Linh Văn H1 đã ký là 158.995.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

- **Nguyễn Thế H2**: Lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A1)*; ký xác nhận vào mục người cung ứng, mục dẫn tinh viên tại các danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS- TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(M- TTNT)* không phải do H2 lập, một số biểu đã được điền số liệu trước đó, trên địa bàn các xã: M, P, thuộc huyện L, tỉnh Tuyên Quang *(tại thời điểm năm 2020 các xã M, P, thuộc huyện C)* sau đó trình lãnh đạo UBND các xã ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số 559 liều tinh trâu; 142 liều tinh bò; 895,5 lít ni tơ; 701 đôi găng tay; 701 ống gen. Số tiền theo các danh sách Nguyễn Thế H2 đã ký là 138.405.000 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng*).

- **Hoàng Văn M:** Lập danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS-TTNT)*; ký xác nhận vào mục người cung ứng, mục dẫn tinh viên *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS- TTNT)* không phải do M lập, một số danh sách đã được điền số liệu trước đó, trên địa bàn các xã: Y, H, T, Nhân L5, huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND các xã ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 570 liều tinh trâu; 66 liều tinh bò; 743 lít ni tơ; 724 đôi găng tay; 724 ống gen. Số tiền theo các danh sách Hoàng Văn M đã ký là 124.650.000 đồng (*Một trăm hai mươi tư triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

- **H**: Lập danh sách (Mẫu A2/DS- TTNT) và danh sách (Mẫu A2b/DS- TTNT); ký xác nhận vào mục người cung ứng, mục dẫn tinh viên tại các danh sách (Mẫu A2/DS- TTNT) và danh sách (Mẫu A2b/DS- TTNT) không phải do Hà Doãn D8 lập, một số biểu đã được điền số liệu trước đó, trên địa bàn các xã X, N, H, thuộc huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND các xã ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 115 liều tinh trâu; 101 liều tinh bò; 241,5 lít ni tơ; 216 đôi găng tay; 216 ống gen. Số tiền theo các danh sách Hà Doãn D8 đã ký là 38.740.000 đồng (Ba mươi trám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

- **Triệu Cao C**: Lập danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS-TTNT)*; ký xác nhận vào mục người cung ứng, mục dẫn tinh viên tại các danh sách *(Mẫu A2/DS- TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS- TTNT)* không phải do C lập, một số biểu đã được điền số liệu trước đó, trên địa bàn các xã: T, L, K, Ngọc H20, Phúc T23, T, P, Hùng M4, Y, H, Nhân L5, huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND các xã ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 297 liều tinh trâu; 110 liều tinh bò; 520,5 lít ni tơ; 407 đôi găng tay; 407 ống gen. Số tiền theo các danh sách Triệu Cao C đã ký là 80.755.000 đồng *(T24 mươi triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*.

- **Bàn Văn N**: Lập danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS-TTNT)*; ký xác nhận vào mục người cung ứng, mục dẫn tinh viên tại các danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS-TTNT)* không phải do N lập, một số biểu khi N ký xác nhận đã được điền số liệu trước đó, trên địa bàn các xã: T, T, huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND các xã ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 132 liều tinh trâu; 09 liều tinh bò; 217,5 lít ni tơ; 141 đôi găng tay; 141 ống gen. Số tiền theo các danh sách Bàn Văn N đã lập danh sách, ký là 29.040.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

- **Hà Công D**: Lập danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS-TTNT)*, ký tên xác nhận vào mục dẫn tinh viên tại danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò xã H, huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND xã ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 84 liều tinh trâu; 20 liều tinh bò; 130,5 lít ni tơ; 104 đôi găng tay; 104 ống gen. Số tiền theo các danh sách Hà Công D đã ký là 20.455.000 đồng (*Hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- **Hà Văn Ả:** Ký danh sách *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách *(Mẫu A2b/DS-TTNT)* và ký tên xác nhận vào mục người cung ứng và mục dẫn tinh viên trên địa bàn xã N, huyện C sau đó trình lãnh đạo UBND xã (Lâm Phúc H9 - Phó Chủ tịch UBND xã N) ký, đóng dấu xác nhận để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, với tổng số: 47 liều tinh trâu; 17 liều tinh bò; 76,5 lít ni tơ; 64 đôi găng tay; 64 ống gen. Số tiền theo các danh sách Hà Văn Ả đã ký là 12.450.000 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Sau khi có các danh sách do H1, H2, M, C, D8, D, N và Ảnh cung cấp. Khoảng tháng 11 năm 2020, Tôn Thanh H và Ma Trọng Đ đã chủ động liên hệ và trực tiếp đến gặp **Đào Đình H19**, là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn X1 (Công ty X1) có địa chỉ tại thành phố Hà Nội (là một trong những đơn vị được UBND tỉnh chỉ định

cung ứng tinh theo Quyết định số 228/QĐ-UBND, ngày 15/3/2018) để thỏa thuận việc lập khống các chứng từ thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò thời điểm từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020. Mặc dù trong thời điểm (từ tháng 6 năm 2020 đến hết tháng 11 năm 2020) H19 không cung ứng liều tinh và vật tư thụ tinh nhân tạo trâu, bò cho Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện C để thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân theo Quyết định số 50 của Thủ tướng Chính Phủ và Quyết định số 03 của UBND tỉnh T27, nhưng H19 đã đồng ý lập hồ sơ quyết toán theo đề nghị của H và Đ.

Sau khi trao đổi và thống nhất phương thức thực hiện, H19 chỉ đạo **Nguyễn Thị Hồng T22** là Kế toán của công ty X1, lập biểu tổng hợp số liệu khống liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020; lập khống các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020, trong đó: Đợt 1 là (từ tháng 6 đến hết tháng 10 năm 2020) = 486.800.000đ; Đợt 2 (từ tháng 11 đến hết tháng 12 năm 2020) = 125.120.000đ

Ngày 29/11/2020 và ngày 21/01/2021, Đào Đình H19 ký ban hành Văn bản số 98/CV-CT và Văn bản số 09/CV-CT gửi Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và Sở Tài chính tỉnh T về việc đề nghị duyệt quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 03, đợt 1 và đợt 2 với tổng số tiền đề nghị thanh quyết toán trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 là 611.920.000 đồng. Trong quá trình Phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp số liệu để đề nghị Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND cho Công ty X1 thấy có sai lệch số liệu nên đã trừ 2.490.000 đồng nên tổng kinh phí được duyệt, thanh quyết toán cả đợt 1 và đợt 2 là 609.430.000 đồng.

Tuy nhiên, cũng trong thời điểm lập chứng từ quyết toán thì trong tháng 12 năm 2020, H19 và T22 đã cấp liều tinh và vật tư thực tế cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện C tương đương với số tiền: 184.100.000 đồng. Do vậy H19 và T22 có thực hiện hành vi quyết toán khống tổng số tiền 425.330.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

Quá trình trao đổi lập hồ sơ quyết toán khống, Tôn Thanh H đã sử dụng tài khoản hộp thư điện tử Gmail của cá nhân để liên lạc với tài khoản hộp thư điện tử của Nguyễn Thị Hồng T22 để gửi các chứng từ, văn bản đề nghị quyết toán.

Sau khi H19 và T22 đã hoàn thiện các tài liệu nêu trên và gửi lại cho Tôn Thanh H ký tên, đóng dấu của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp để xác nhận các biểu danh sách tổng hợp số liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020, sau đó H chuyển hồ sơ cho **Ma Phúc K**, là Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tại thời điểm năm 2020, trực tiếp phụ trách công tác "chăn nuôi, thú y và thủy sản". Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND, Ủy ban nhân huyện C10 đã ban hành văn bản (kế hoạch 102/KH-UBND) và giao trách nhiệm cho các Cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện, trong đó có trách nhiệm của Phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện C *"....định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND để kịp thời hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở"*. Tại Quyết định số 4153/QĐ-Ngày 18/9/2019 của chủ tịch UBND huyện C10 ban hành thay thế Quyết định số 1509/QĐ-UBND, ngày 27/4/2019 đã giao trách nhiệm cho lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm Tổ trưởng Tổ thẩm định

thực hiện chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 03 do vậy Ma Phúc K trực tiếp thực hiện nhiệm vụ là tổ trưởng Tổ thẩm định. Tổ thẩm định làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do tổ trưởng phân công. Tổ thẩm định có nhiệm vụ: *"Thứ nhất, căn cứ đề nghị của UBND các xã, phối hợp với UBND các xã tổ chức thẩm định, nghiệm thu, xác định kinh phí hỗ trợ mua con giống của chủ hộ chăn nuôi và vật tư thụ tinh nhân tạo gia súc (bình Ni tơ loại 1-3,7 lít, súng bắn tinh) của các dẫn tinh viên; kiểm tra, xác nhận, thẩm định kết quả hỗ trợ tinh, vật tư thụ tinh nhân tạo gia súc (trâu, bò) trên địa bàn huyện C của cơ sở cung ứng được UBND tỉnh chỉ định để làm căn cứ thanh quyết toán. Thứ hai, lập biên bản nghiệm thu đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích theo văn bản hướng dẫn số 2668"*. Với chức trách nhiệm vụ được phân công, nhưng Ma Phúc K không tổ chức kiểm tra kết quả hỗ trợ thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò trên địa bàn huyện C năm 2020. Khi Tôn Thanh H và đồng phạm thực hiện lập hồ sơ, thủ tục quyết toán khống về việc hỗ trợ số tinh, vật tư phối giống cho T25, B1, gồm: 2.303 liều tinh Trâu; 619 liều tinh Bò; 3.503 lít Ni tơ lỏng; 2.922 đôi găng tay; 2.922 ống gen Ma Phúc K không biết nhưng vẫn ký tên, đóng dấu của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C để xác nhận các biểu danh sách tổng hợp số liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020.

Sau khi Ma Phúc K ký xác nhận hồ sơ được chuyển đến Văn phòng HĐND và UBND huyện C10 để thẩm tra về nội dung và thể thức sau đó mới trình ông Vũ Đình T14 - phó chủ tịch UBND huyện C10 ký xác nhận. Tổng số tiền đề nghị thanh toán là 611.920.000 đồng *(theo đề nghị thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 03 của UBND tỉnh T27 đợt 1 và đợt 2 năm 2020 tại Văn bản số 98/CV-CT, ngày 29/11/2020 và Văn bản số 09/CV-CT, ngày 21/01/2021 của Công ty X1)*. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đã được bộ phận văn phòng thẩm định, ông T14 tiếp tục tiến hành kiểm tra hồ sơ đề nghị quyết toán thấy đúng theo Hướng dẫn 2668/HDLN-NN-TC-KH và có đầy đủ chữ ký và xác nhận của các cơ quan chuyên môn và xác nhận của UBND các xã. Căn cứ theo khoản 2, điều 18 Quy chế làm việc của UBND huyện C10, ông T14 đã ký, đóng dấu xác nhận của UBND huyện C10 vào các biểu tổng hợp số liệu khống liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020, sau đó hồ sơ được chuyển lại cho Tôn Thanh H gửi đến Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh T để tổng hợp đề nghị quyết toán.

Trong quá trình Phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp số liệu để đề nghị Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND cho Công ty X1 thấy có sai lệch số liệu nên đã trừ 2.490.000 đồng trong tổng số tiền đề nghị quyết toán là 611.920.000 đồng. Sau đó Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh ban hành tờ trình số 184/TTr - SNN ngày 17/12/2020 và tờ trình số 13/TTr - SNN ngày 29/01/2021 gửi UBND tỉnh T27 và Sở Tài chính tỉnh T.

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh T tại các tờ trình nêu trên; trên cơ sở xác nhận kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ của UBND huyện C10 và hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Quyết định 03/2017/QĐ-UBND, Sở Tài chính tỉnh T ban hành tờ trình số 57/TTr-STC ngày 16/3/2021 gửi UBND tỉnh T27 đề nghị phê duyệt kinh phí.

Ngày 09/4/2021, UBND tỉnh T27 ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Quyết định số 03 của UBND tỉnh năm 2020, theo đó, phê duyệt thanh toán cho Công ty TNHH X1 số tiền là 609.430.000 đồng, gồm: Kinh phí hỗ trợ phối giống nhân tạo 435.205.000 đồng, kinh phí hỗ trợ vật tư phối giống cho trâu, bò 174.225.000 đồng. Ngày 22/4/2021, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T đã rút dự toán Ngân sách Nhà nước từ Kho bạc Nhà nước tỉnh T để chi trả thực hiện hỗ trợ theo Quyết định số 03 cho Công ty X1 do Đào Đình H19 là Giám đốc với số tiền nêu trên.

Khoảng tháng 6 năm 2021, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện C nhận thấy việc thanh quyết toán tiền hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò theo Quyết định số 03 là không đúng quy định. Ngày 18/6/2021, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp ban hành Báo cáo số 20/BC-TTDVNN gửi UBND huyện và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C; Ngày 21/6/2021, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp ban hành Văn bản số 19/BC-TTDVNN, gửi Công ty X1, đề nghị H19 và T22 dừng không cấp tinh trâu, bò và vật tư cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện C. Đối với số liều tinh, vật tư đã nhận Trung tâm D chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ theo số lượng và giá trị thực tế cho H19 và T22. Đối với 02 bình chứa ni tơ loại 35lít, trị giá 40.000.000 đồng đề nghị giữ nguyên việc thanh toán theo Quyết định số 03, đồng thời đề nghị H19 và T22 nộp lại cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện C tạm giữ số tiền 569.430.000 đồng. Ngày 30/7/2021, UBND huyện C10 ban hành Văn bản số 1563/UBND-NLN, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang, đề nghị xem xét thu hồi kinh phí hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò trên địa bàn huyện năm 2020. Ngày 10/12/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T ban hành văn bản số 2494/SNN-TTr, gửi Công ty X1, về việc giải quyết theo đề nghị của UBND huyện C10. Ngày 13/12/2021, H19 và T22 nộp trả kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Quyết định số 03, số tiền 569.430.000 đồng cho Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T. Ngày 15/12/2021, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh T nộp trả kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách theo Quyết định số 03, số tiền 569.430.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra còn xác định: Ngoài số liều tinh, vật tư phối giống và 02 bình chứa bằng nhôm, trị giá 184.100.000đ mà Đào Đình H19 và Nguyễn Thị Hồng T22 đã chuyển cho Trung tâm dịch Nông nghiệp huyện C vào tháng 12 năm 2020; thì trong khoảng thời gian từ ngày 13/01/2021 đến ngày 20/4/2021, H19 và T22 tiếp tục chuyển: 500 liều tinh trâu, 481 liều tinh bò, 415 lít Ni tơ lỏng cho Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện C, tương đương với số tiền 157.195.000 đồng. Sau khi nhận tinh và vật tư Tôn Thanh H và Ma Trọng Đ có thông báo cho các dẫn tinh viên đến lấy liều tinh và vật tư để tại Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện C. Khi các dẫn tinh viên đến lấy liều tinh và vật tư thì H và Đ không thu tiền, nhưng cũng không giải thích rõ là liều tinh và vật tư được cung ứng miễn phí theo Quyết định số 03 của UBND tỉnh. H1, H2, M, C, D8, D, N và Ả cho rằng số liều tinh và vật tư đã nhận vẫn phải trả tiền cho Trung tâm dịch vụ do vậy khi các dẫn tinh viên phối giống trâu, bò cho người dân vẫn thu tiền theo giá thoả thuận là 400.000đ/liều.

Tại kết Kết luận giám định số: 875, ngày 11/8/2022, của Phòng K6 Công an tỉnh T, kết luận:

+ Chữ ký ghi tên Đào Đình H19 tại Văn bản số 98 và 09 ngày 29/11/2020, và ngày 21/01/2020 của Công ty X1 và tại các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty X1 là do Đào Đình H19 ký.

+ Chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Hồng T22 tại các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty X1 và tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Công ty X1 là do Nguyễn Thị Hồng T22 ký.

+ Chữ ký ghi tên Ma Trọng Đ tại các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty X1 và tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Công ty X1 là do Ma Trọng Đ ký.

Tại Kết luận giám định số: 876, ngày 07/8/2022, của Phòng K6 Công an tỉnh T, kết luận:

+ Chữ ký ghi tên Tôn Thanh H tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp và tại các danh sách tổng hợp số lượng liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C là do Tôn Thanh H ký.

+ Chữ ký ghi tên Ma Trọng Đ các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Ma Trọng Đ ký.

+ Chữ ký ghi tên Đào Đình H19 tại các danh sách tổng hợp số lượng liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C là do Đào Đình H19 ký.

+ Chữ ký ghi tên Linh Văn H1 tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Linh Văn H1 ký.

+ Chữ ký ghi tên Hoàng Văn M tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Hoàng Văn M ký.

+ Chữ ký ghi tên Hà Doãn D8 tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Hà Doãn D8 ký.

+ Chữ ký ghi tên Hà Văn Ả tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Hà Văn Ả ký.

+ Chữ ký ghi tên Hà Công D tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Hà Công D ký.

+ Chữ ký ghi tên Nguyễn Thế H2 tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Nguyễn Thế H2 ký.

+ Chữ ký ghi tên Bàn Văn N tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp là do Bàn Văn N ký.

+ Chữ ký ghi tên Triệu Cao C tại các phiếu xuất kho từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 của Trung tâm D là do T26 Cao Cường ký.

- Tại bản Kết luận giám định số: 1207, ngày 13/10/2022, của Phòng K6 Công an tỉnh T, kết luận:

+ Chữ ký ghi tên Ma Phúc K tại các danh sách tổng hợp số lượng liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 là do Ma Phúc K ký.

+ Chữ ký ghi tên Vũ Đình T14 tại các danh sách tổng hợp số lượng liều tinh trâu, bò và vật tư đã sử dụng trên địa bàn huyện C từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 là do Vũ Đình T14 ký.

- Tại kết luận giám định số 801/KL-KTHS, ngày 27/6/2023 của Phòng K6 Công an tỉnh T, kết luận:

+ Chữ ký ghi tên Linh Văn H1 viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: Từ A20 → A32; từ A62 → A70; từ A82 → A87; từ A96 → A99; từ A102 →A114; A116; từ

A132 → A134; từ A153 → A158; từ A161 → A164; A167; từ A169 → A173; A179; A180; từ A182 → A184 với chữ ký đứng tên Linh Văn H1 trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Hoàng Văn M viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: Từ A1 → A19; A100; từ A147 → A152; A159 với chữ ký đứng tên Hoàng Văn M trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Hà Doãn D8 viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: A115; từ A118 → A131; A135 với chữ ký đứng tên Hà Doãn D8 trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Nguyễn Thế H2 viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: Từ A33 → A50; từ A71 → A80 với chữ ký đứng tên Nguyễn Thế H2 trên mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Bàn Văn N viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: Từ A51 → A59; A61; A181 với chữ ký đứng tên Bàn Văn N trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Triệu Cao C viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: A81; từ A88 → A95; A101; A117; A136; từ A138 → A146; A160; A165; A166; A168; từ 174 → A178; từ A185 → A188 với chữ ký đứng tên Triệu Cao C trên mẫu so sánh ký hiệu M6 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Hà Công D viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: từ A88 → A93 với chữ ký đứng tên Hà Công D trên mẫu so sánh ký hiệu M7 là do cùng một người ký.

+ Chữ ký ghi tên Hà Văn Ả viết trên mẫu cần giám định, ký hiệu: Từ A130 → A135; A137 với chữ ký đứng tên Hà Văn Ả trên mẫu so sánh ký hiệu M8 là do cùng một người ký.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn Ả phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*. Bị cáo Ma Phúc K phạm tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 32, 38, 41, 54, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Tôn Thanh H** 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày từ ngày 05/4/2022 đến ngày 31/10/2022. Cấm đảm nhiệm chức vụ 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 32, 38, 41, 54, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Ma Trọng Đ** 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày từ ngày 05/4/2022 đến ngày 24/10/2022. Cấm đảm nhiệm chức vụ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều Điều 32, 41, 54, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Ma Phúc K** 02 (hai) năm 03 (ba)

tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện C nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Cấm đảm nhiệm chức vụ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Linh Văn H1 và bị cáo Nguyễn Thế H2.

Xử phạt bị cáo **Linh Văn H1** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện C nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế H2** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện L nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn M và bị cáo Triệu Cao C:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn M** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện C nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Triệu Cao C** 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện C nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, 36, Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bàn Văn N và bị cáo Hà Công D:

Xử phạt bị cáo **Bàn Văn N** 01 (một) năm 02 (hai) tháng Cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã T, huyện C giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo tính từ ngày tính từ ngày UBND xã T, huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo **Hà Công D** 01 (một) năm 02 (hai) tháng Cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã H, huyện C giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo tính từ ngày tính từ ngày UBND xã H, huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, 36, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hà Văn Ả** 01 (một) năm Cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã N, huyện C giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo tính từ ngày tính từ ngày UBND xã N, huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn Ả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt chính, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Trong các ngày 09, 13 và ngày 14/11/2023 các bị cáo Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn Ả, Ma Phúc K và Tôn Thanh H (09 bị cáo) có đơn kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm xử sai, bỏ lọt tội phạm, có dấu hiệu của việc ban hành trái quy định pháp luật, gây oan sai. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 01/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa để minh oan cho bị cáo.

- Ngày 13/11/2023, bị cáo Ma Trọng Đ có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa phúc thẩm chuyển tội danh cho bị cáo sang tội Vi phạm quy định về chứng từ kế toán gây hậu quả nghiêm trọng và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, bị cáo cho rằng, vụ án có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, trong trường hợp không khắc phục được đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Ma Phúc K, Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn Ả giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Hoàng Văn M trình bày: Bị cáo lập các chứng từ là do sự chỉ đạo chung toàn huyện, tại các biểu bị cáo không được điền các cột 10 đến 19, những người là đại diện chính quyền xã ký, đóng dấu xác nhận các biểu đều không bị truy cứu trách nhiệm là không công bằng, bị cáo bị oan.

Bị cáo Hà Văn Ả trình bày: Bị cáo bị oan, mong HĐXX xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Trọng Đ, bị cáo Ma Trọng Đ trình bày: Bị cáo Đ không vụ lợi, không có động cơ cá nhân, hành vi của bị cáo chỉ vi phạm quy định về kế toán chứ không phải tội lợi dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ, đề nghị HĐXX chuyển tội danh của bị cáo sang tội Vi phạm quy định về kế toán theo điều 221 BLHS, tại phiên tòa bị cáo xuất trình nhiều giấy khen, bằng khen, xác nhận chiến sỹ thi đua cơ sở là các tình tiết mới, đề nghị HĐXX giảm hình phạt, chuyển tội danh cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên N4 trình bày: Bị cáo N, bị cáo D không phải là người có chức vụ, không điền hết các chứng từ, quá trình điều tra không làm rõ được mục đích vụ lợi và động cơ cá nhân khác của các bị cáo, đề nghị HĐXXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo hủy bản án sơ thẩm điều tra lại.

Bị cáo Tôn Thanh H và người bào chữa cho bị cáo Tôn Thanh H (ông Nguyễn Văn H6) trình bày: Quyết định số 03 được ban hành năm 2017 nhưng phải đến tháng 5/2020, UBND huyện C10 mới ban hành kế hoạch để thực hiện và thời điểm năm 2020 dịch covid bùng phát, thực hiện giãn cách xã hội diễn ra trên toàn quốc nên bị cáo H mới thực hiện không đúng quy trình và trình tự như văn bản hướng dẫn. Bị cáo H không phải là người chỉ đạo trực tiếp mà UBND các xã, thị trấn là người thực hiện và phê duyệt, còn Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp chỉ là cơ quan phối hợp do đó, vài trò của bị cáo H không phải là người chỉ đạo. Hồ sơ vụ án thể hiện trách nhiệm chính trong vụ án này là Sở nông nghiệp, Sở tài chính, UBND các xã nhưng không bị xem xét xử lý là bỏ lọt tội phạm và không đảm bảo công bằng; Ngoài bị cáo Đ còn có nhiều người khác thực hiện viết hoàn thiện hồ sơ nhưng không bị truy tố là bỏ lọt tội phạm;

Tháng 12/2020 công ty X1 đã cấp số lượng tinh trị giá 184.100.000 đồng, đã được các cơ quan tố tụng trừ cho bị cáo H19, T22 nhưng đối với bị cáo H, Đ, K lại không được trừ là không đúng, gây bất lợi cho các bị cáo.

Quá trình giải quyết vụ án có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, như tại các cột 10-19 các biểu A2 và A2b không xác định được ai là người viết, không trưng cầu giám định để xác định tội phạm nhưng cấp sơ thẩm không trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Số tiền 184.100.000 đồng được trừ cho công ty X1 nhưng các bị cáo vẫn phải chịu số tiền này trong tổng số tiền gây thiệt hại.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Phúc K và bị cáo Ma Phúc K trình bày: Theo các quyết định số 03 hướng dẫn 2668, các kế hoạch, văn bản của UBND huyện C10 thì bị cáo K không có trách nhiệm phải thẩm tra chữ ký, chữ viết của các hộ dân trong các bảng biểu, bị cáo ký xác nhận khi đã có đầy đủ chữ ký từ dẫn tinh viên, nhà cung ứng, dấu của các xã là hoàn toàn đúng quy định; Các bị cáo H19, T22 được trừ 184.100.000đ, nhưng bị cáo lại không được trừ là hoàn toàn bất công đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Triệu C, Hà Công D, Bàn Văn N (luật sư Nguyễn Văn H6) trình bày: Đề nghị HĐXX xem xét huỷ bản án để điều tra, truy tố và xét xử lại đề nghị giám định chữ viết, chữ ký và dấu của các xã tại các biểu A2 và A2b; Giám định chữ viết tại các cột 10-19 tại các biểu A2, A2b; Giám định chữ ký Ma Công Duyệt tại biên bản các cuộc họp, thu thập chứng cứ đối với hành vi, trách nhiệm của Ma Công D7; Điều tra làm rõ vai trò của Sở Nông nghiệp, Sở tài chính, ông Vũ Đình T14, làm rõ trách nhiệm thanh toán lại số tiền bị cáo H, Đ đã nộp để trả công ty X1, làm rõ vai trò trách nhiệm của cơ quan điều tra trong việc thu giữ bảo quản vật chứng, quá trình tố tụng không chứng minh được các bị cáo có động cơ vụ lợi, trên thực tế các bị cáo thực hiện đúng theo sự chỉ đạo của bị cáo H, lập danh sách và ký vào một số danh sách do người khác đã điền thông tin trước đó.

Các bị cáo Linh Văn H1, H2, C, N, D, M, Ảnh trình bày một số biểu các bị cáo kê, lập, một số biểu các bị cáo chỉ ký mà không phải là người kê khai, đề nghị hủy bản án để làm rõ nội dung này.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm đối với kháng cáo của bị cáo:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết liên quan đến vụ án trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Linh Văn H1, Nguyễn Thế H2, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn Ả về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và bị cáo Ma Phúc K về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình căn cứ cho nội dung kháng cáo của mình. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày

02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá về phần hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Các bị cáo nhất trí với ý kiến tranh luận của người bào chữa. Khi được Hội đồng xét xử cho phép nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét huỷ bản án hình sự sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại.

Bị cáo Ma Trọng Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi và khẳng định quá trình điều tra khai nhận là đúng sự thật, các bị cáo không bị ép cung. các bị cáo Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn A khai không biết nội dung Quyết định 03, chỉ nghe nói Quyết định 03 là được hỗ trợ cho dân, các bị cáo đều xác định không có động cơ vụ lợi, việc các bị cáo thực hiện lập, ký danh sách A2/DS-TTNT và A2b/DS-TTNT nhằm để người dân được hỗ trợ nên các bị cáo bị oan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Hành vi của các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn A:

Để triển khai thực hiện quyết định số 03/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang UBND huyện Chiêm Hóa đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện, giao nhiệm vụ cho các đơn vị phòng ban giúp việc của UBND huyện thực hiện quyết định 03/2017/QĐ-UBND cụ thể:

Tại mục 2 phần III kế hoạch 68/KH-UBND ngày 18/4/2019 của UBND huyện Chiêm Hóa đã giao trách nhiệm cho Trạm Chăn nuôi và thú y, Trạm Khuyến nông huyện nhiệm vụ: "*…Hoàn thiện hồ sơ theo quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang*" ; Theo Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 26/5/2020 của UBND huyện Chiêm Hóa giao Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa thực hiện *"Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tuyên truyền đến hộ chăn nuôi và các cá nhân có nhu cầu được hỗ trợ, hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang; Hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; Làm điểm trung chuyển, bảo quản các loại tinh trâu, bò (tinh cọng rạ) phục vụ cho các dẫn tinh viên ở các xã có nhu cầu sử dụng"*, Đồng thời tại văn bản số 1865/UBND-NLN

ngày 04/11/2020 của UBND huyện Chiêm Hóa về việc đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quyết định số 03/2017/QĐ-UBND đã giao cho Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện "*Chỉ đạo cán bộ phụ trách xã, thị trấn phối hợp với UBND xã kiểm tra rà soát danh sách các hộ đã thực hiện thụ tinh nhân tạo cho trâu bò…đảm bảo đúng quy định, đúng thời gian yêu cầu*" giao cho Phòng nông nghiệp huyện "*Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu, xác nhận kết quả hỗ trợ tinh thụ tinh nhân tạo cho trâu bò trên địa bàn huyện*" Theo kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 18/4/2019 của UBND huyện Chiêm Hóa thì Trạm chăn nuôi thú ý, trạm khuyến nông (Đến ngày 04/5/2019 sát nhập thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp theo quyết định số 128/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang) được UBND huyện Chiêm Hóa giao nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ theo quyết định số 03/2017/QĐ-UBND; Đến ngày 16/5/2020 theo kế hoạch số 102/UBND của thì Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện được giao nhiệm vụ là điểm trung chuyển, bảo quản các loại tinh trâu bò phục vụ cho các dẫn tinh viên ở các xã có nhu cầu sử dụng.

Tôn Thanh H là trạm phó trạm thú y sau khi sát nhập thành trung tâm dịch vụ nông nghiệp bị cáo giữ chức vụ là Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa, từ khi còn là trạm phó trạm thú y bị cáo đã thực hiện nhiệm vụ Hoàn thiện hồ sơ tại quyết định 03/2017/QĐ-UBND theo kế hoạch số 68/KH –UBND ngày 18/4/2019, sau khi sát nhập 03 đơn vị bị cáo được giám đốc trung tâm dịch vụ Nông nghiệp phân công nhiệm vụ "*giúp Giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ của trung tâm và chịu trách nhiệm chính về các lĩnh vực Chăn nuôi, thú ý, Thủy sản, phụ trách bộ phận chăn nuôi thú ý, thủy sản*" mặc dù bị cáo biết rõ trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến hết tháng 11 năm 2020 Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa không thực hiện việc trung chuyển các liều tinh trâu, bò, vật tư phối giống nhưng do sắp hết thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định 03 (hết tháng 12/2020), với mục đích giữ lại số liều tinh, vật tư được hỗ trợ theo Quyết định 03, vì động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, bị cáo đã tổ chức họp bộ phận chăn nuôi thú ý (BL 1083), bị cáo đã chỉ đạo Ma Trọng Đ, là Viên chức Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa và các Dẫn tinh viên thụ tinh nhân tạo trâu, bò gồm Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn A lập khống các chứng từ, danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2b/DS-TTNT* để hoàn thiện các thủ tục thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020*;* sau đó chủ động liên hệ với Đào Đình Hảo (giám đốc) và Nguyễn Thị Hồng Tuyết (kế toán) của Công ty Đại Dương lập khống chứng từ để thanh, quyết toán tiền hỗ trợ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 569.430.000 đồng *(Năm trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).*

Bị cáo Ma Trọng Đ là nhân viên bộ phận chăn nuôi thú y của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa, sau khi được Hoa chỉ đạo, mặc dù biết trong thời gian từ tháng 6 đến hết tháng 11 năm 2020, không có đơn vị nào cung ứng liều tinh và vật tư thụ tinh nhân tạo để hỗ trợ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND, nhưng bị cáo vẫn thực hiện theo sự chỉ đạo của Tôn Thanh H, trực tiếp hướng dẫn các Dẫn tinh viên thực hiện lập khống các danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu bò

(A2/DS-TTNT) và biểu danh sách xác nhận chưa thanh toán liều tinh và vật tư phối giống cho trâu bò (A2b/DS - TTNT), sau khi các bị cáo H, H1, Minh, Cường, Dược, Nhất, Dương, Ảnh lập khống danh sách A2 và A2b, trình một số danh sách cho lãnh đạo UBND các xã, thị trấn ký, đóng dấu xác nhận rồi chuyển lại cho Ma Trọng Đ và Tôn Thanh H, bị cáo Ma Trọng Đ đã tổng hợp thành số liệu quyết toán, trình bị cáo H, trình phòng nông nghiệp, UBND huyện xác nhận để thực hiện quyết toán khống, gây thiệt hại số tiền 569.430.000đ; Sau khi sự việc bị phát giác, cơ quan điều tra tiến hành điều tra bị cáo đã lập khống các phiếu nhập, phiếu xuất kho liều tinh và vật tư phối giống, đưa cho các dẫn tinh viên ký nhằm hợp pháp hóa hồ sơ và che giấu hành vi phạm tội của bản thân bị cáo cũng như của các bị cáo khác.

Các bị cáo Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn A sau khi tham gia cuộc họp giao ban bộ phận Chăn nuôi thú y do bị cáo H chủ trì, có bị cáo không tham gia họp nhưng được sự chỉ đạo, hướng dẫn của các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ các bị cáo đã lập khống các biểu Danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu bò (A2/DS-TTNT) và biểu danh sách xác nhận chưa thanh toán liều tinh và vật tư phối giống cho trâu bò (A2b/DS - TTNT), một số bị cáo ký khống, giả chữ ký vào cột người được phối giống, người được hỗ trợ, để trống các cột 10 đến 19 sau đó xin xác nhận của chính quyền các xã, nộp lại cho bị cáo Ma Trọng Đ, bị cáo Đ đã điền, hoàn thiện các cột 10 đến 19, lập các biểu tổng hợp, thực hiện các thủ tục quyết toán khống gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 569.430.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H cho rằng Mục đích lập hồ sơ quyết toán của bị cáo là làm theo chỉ đạo của sở Nông Nghiệp, không có vụ lợi cho bản thân, tại phiên tòa các bị cáo là Dẫn tinh viên, nhân viên thú y xã cho rằng việc lập hồ sơ được triển khai công khai tại cuộc họp, các bị cáo làm theo sự chỉ đạo của bị cáo H, các bị cáo đều không có vụ lợi cá nhân mà nhằm hỗ trợ cho người dân, HĐXX thấy rằng:

Lời khai bị cáo Tôn Thanh H: Ngày 13/10/2021 (BL 1964) bị cáo H khai: "*..Tôi thực hiện việc thanh quyết toán liều tinh và vật tư phối giống trâu, bò trên địa bàn huyện Chiêm Hóa thực hiện từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 về thủ tục thanh quyết toán thực hiện theo hướng dẫn số 2668/HDLN-NN-TC-KH ngày 29/12/2017. Tuy nhiên do số lượng thực tế các DTV thụ tinh nhân tạo giai đoạn từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 ít và tôi cũng muốn hỗ trợ thêm cho các DTV nên khi được nhà nước hỗ trợ tôi đã hướng dẫn và chỉ đạo các DTV bổ sung vào danh sách cấp tinh và vật tư phối giống trâu, bò và danh sách xác nhận chưa được thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống trâu bò từ tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 đối với các hộ gia đình đã có phối giống nhân tạo trâu, bò từ tháng 01 đến tháng 05/2020 tại cuộc họp thú y xã...*"; Tại bản tự khai ngày 15/10/2021 (BL 1969) bị cáo H khai: "*...Tuy nhiên để thực hiện được việc thanh quyết toán đối với các hộ gia đình có phối giống nhân tạo cho trâu bò từ tháng 1 đến tháng 5/2020 do các dẫn tinh viên đã ứng kinh phí mua tinh, vật tư phối giống nhân tạo trâu bò, với mục đích hỗ trợ lại cho các dẫn tinh viên khi được nhà nước hỗ trợ, do đó tôi có hướng dẫn các dẫn tinh viên bổ sung danh sách các hộ từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2020 vào giai đoạn tháng 6 đến tháng 12 năm 2020 tại cuộc họp giao ban các thú y xã";* Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2021 (BL 1971), bản tự khai ngày 16/10/2021 (BL 1977) bị cáo H khai: "*… việc nâng khống như thế là để nhà cung ứng cung ứng số liều tinh và vật tư phối giống nhiều hơn thực tế...Đối*

với số lượng liều tinh và vật tư phối giống đã nâng không sẽ cấp bù cho các dẫn tinh viên đã thực hiện thụ tinh nhân tạo từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2020 (kinh phí các dẫn tinh viên đã bỏ ra trước đó để làm dịch vụ).."; Biên bản ghi lời khai, bản tự khai 24/10/2021 (BL 1982, 1983) bị cáo khai: "*..Việc làm của tôi không chỉ đạo tôi làm, mọi việc làm do tôi chỉ đạo với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các dẫn tinh viên thực hiện phối giống nhân tạo cho trâu bò và hỗ trợ lại kinh phí cho các dẫn tinh viên đã làm dịch vụ trước đó (Bỏ tiền ra mua liều tinh trước*) "

Bị cáo Bàn Văn N khai tại BL 2218 -2225: "*Tại cuộc họp giao ban của DTV trên địa bàn huyện, Hoa chủ trì có thông báo với chúng tôi phải lập danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu bò để bên tài chính làm thủ tục thanh quyết toán…Trước tháng 6/2020 tôi thực hiện thụ tinh là làm dịch vụ cụ thể là liều tinh và vật tư do tôi bỏ tiền ra mua. Khi người dân có nhu cầu tôi tiến hành thụ tinh cho trâu bò, tôi thu 400.000đ là tiền tinh, vật tư và tiền công của tôi. Hộ gia đình nào thân thiết, khó khăn thì tôi lấy 200.000đ là tiền tinh và vật tư không lấy công …tháng 6/2020 đến nay, được TTCH cấp miễn phí ko mất tiền. nhưng khi thực hiện thụ tinh tôi vẫn thu như giai đoạn trước tháng 6/2020… …Khi lập danh sách tôi thực hiện theo hướng dẫn của Hoa và chỉ nghĩ được cấp bù tiền liều tinh đã bỏ tiền ra mua và thực hiện cho các hộ dân";* Tại BL 2229 bị cáo Nhất khai: "*Như tôi đã khai báo trên khi lập danh sách thực hiện thụ tinh nhân tạo trâu bò tháng 6,7/2020 thực tế thì rất ít hộ chị Hoa có nói với chúng tôi lập cả danh sách các hộ trước đó đã thụ tinh bằng tinh mình tự bỏ tiền ra mua, chúng tôi hỏi có sao không thì chị Hoa nói những con mình đã thụ tinh trước đó và những con đã đẻ chuẩn bị thụ lần nữa thì lập danh sách để hoàn thiện chứng từ thanh quyết toán để được cấp bù và cấp đủ nguồn kinh phí để thực hiện …nghe chị Hoa nói vậy chúng tôi thực hiện lập danh sách*"; BL 2243-2246 bị cáo khai: "*Khoảng tháng 9/2020 anh Đ gọi điện thoại cho tôi bảo tôi ra Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa để làm hồ sơ, chứng từ quyết toán tiền hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò cho dân. Sau đó, tôi đi luôn ra Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa, khi đến Trung tâm tôi thấy các dẫn tinh viên các xã gồm: Linh Văn H, Hoàng Văn M, Hà Doàn Dược, Triệu Cao C, Nguyễn Thế H1 và một số người khác do lâu ngày nên tôi không nhớ rõ có mặt tại đó, rồi chúng tôi đi vào phòng làm việc của bà Tôn Thanh H - Phó giám đốc Trung tâm để họp, khi đó bà Hoa chỉ đạo lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) thời gian từ tháng 6/2020 đến 12/2020 để quyết toán tiền hỗ trợ cho dân theo số liệu như đã thực hiện thụ tinh thực tế, tôi có hỏi lại chị Hoa là số lượng trâu bò thực tế thụ tinh nhân tạo từ tháng 6/2020 đến thời điểm họp là ít, chị Hoa trả lời ít thế thì không đảm bảo, có thể lấy số liệu đã thực hiện thụ tinh nhân tạo trâu, bò thực tế từ giai đoạn trước ngày 01/6/2020 vào các danh sách trên để đảm bảo quyết toán, việc cho các số liệu trước ngày 01/6/2020 vào danh sách thì phải san ra các tháng cho hợp lý (nghĩa là cho các tháng đều nhau, không để có tháng thì quá nhiều hộ thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò, có tháng thì quá ít hộ thực hiện)"*

Bị cáo Linh Văn H khai tại BL 2037-2040: "*Việc lập hồ sơ thanh quyết toán việc thụ tinh nhân tạo cho trâu bò trên địa bàn xã Tân An từ tháng 6 đến tháng 12/2020 trực tiếp do bản thân tôi tực hiện (bao gồm bản danh sách cấp tinh và vật tư phối giống trâu bò từ tháng 6 đến tháng 12/2020 và danh sách xác nhận chưa được thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống trâu bò từ tháng 6 đến tháng 10/2020. Trong tháng 8, 9/2020, tại cuộc họp giao ban thú y tại trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện CH, bà Tôn Thanh H – Phó GĐ có gọi các dẫn tinh viên các xã gồm cả tôi sang phòng chị Hoa ngồi. sau đó anh Ma Trọng Đ có cung cấp cho chung tôi 2 biểu mẫu danh sách gồm biểu mẫu danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu bò (BM số A2/DS-TTNT) và biểu mẫu danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống trâu bò (Biểu mẫu A2b/DS – TTNT) và anh Đ có hướng dẫn chúng tôi viết, lập danh sách theo các cột mục của bảng biểu thống kê (trừ cột mục kinh phí liều tinh và vật tư đã hỗ trợ). Sau đó chị Hoa có nói là hiện tỉnh đã tìm được đơn vụ cung ứng liều tinh trâu bò để phục vụ việc thanh quyết toán chị Hoa đã hướng dẫn chúng tôi do danh sách hàng tháng từ tháng 6/2020 chúng tôi thụ tinh nhân tạo có danh sách theo dõi, do đó chị Hoa có nói là thêm các hộ gia đình mà chúng tôi đã thụ tinh nhân tạo cho trâu bò trước thời điểm 1/6/2020 để cho vào danh sách 2 biểu mẫu nêu trên để phục vụ thanh quyết toán. Danh sách cho vào ngày thụ tinh thì ghi như thế nào cho nó hợp lý";* Tại BL 2053-2058 bị cáo khai: "…*Đến tháng 6/2020, trung tâm dịch vụ NN huyện CH thông báo cho tôi đã tìm được nhà cung ứng tinh và vật tư phối giống cho trâu bò của tỉnh TQ. Khi đó khi thụ tinh trâu bò cho người dân sẽ được trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện cấp tinh và vật tư. Bà Hoa có chỉ đạo và nói là QĐ 03 của UBNMD tỉnh được thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020, do đó, danh sách các hộ mà tôi đã thụ tinh nhân tạo từ tháng 9/2018 đến ngày 31/5/2020 sẽ được ghi vào danh sách cấp tinh và vật tư phối giống từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 để được quyết toàn và tôi sẽ được nhận bù số liệu tinh và vật tư đã bỏ tiền ra mua. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của bà Hoa, tôi đã lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu bò…*" tại BL 2065 bị cáo khai: "*Đến tháng 6/2020 TTDVNN huyện thông báo đã tìm được đơn vị cung ứng vật tư liều tinh phối giống cho trâu bò tỉnh Tuyên Quang, khi đó thụ tinh trâu bò sẽ do TTDVNN cấp bà Tôn Thanh H phó giám đốc có chỉ đạo và nói QĐ 03 của tỉnh thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020 do đó danh sách chúng tôi thực hiện từ tháng 8/2018 đến 31/5/2020 sẽ được ghi vào danh sách cấp tinh để được quyết toán và nhận lại số tinh đã bỏ tiền ra mua trước".*

Bị cáo Hoàng Văn M khai tại BL 2127: "*Trong quá trình lập hồ sơ tôi có hỏi trung tâm DVNN là bà Tôn Thanh H là có lấy DS đã thụ tinh cho các hộ từ 2018 đến nay vào danh sách đã nhận tinh và vật tư được không bà Hoa trả lời là được vì mình đã được làm thực tế em cứ ghi vào danh sách sau này có tinh và ni tơ vật tư về trạm sẽ cấp lại cho*" BL 2131 bị cáo khai: "*Sau khi hoàn thành khóa học tôi được Trung tâm dịch vụ và nông nghiệp huyện Chiêm Hóa cử thụ tinh cho các hộ trên địa bàn xã*

Hòa Phú, Yên Nguyên. Từ khoảng tháng 9/2018 và Hoa có nhắc chúng tôi khi đi thụ tinh nhân tạo nên có sổ tay ghi chép các hộ đã được thụ tinh vì có chương trình hỗ trợ theo QĐ 03. Sau này có tinh sẽ cấp bù lại cho các dẫn tinh viên đã làm trước đó, do đó khi đi thụ tinh làm dịch vụ, tôi lập danh sách cụ thể từng hộ gia đình" BL 2133: "*Bà Tôn Thanh H có nhắc chúng tôi khi đi thụ tinh nên có sổ ghi chép các hộ đã được thụ tinh vì có chương trình hỗ trợ theo QĐ 03 sau này có tinh sẽ cấp bù lại cho các dẫn tinh viên*" BL 2141 bị cáo khai: "*Việc tôi lập đanh sách các hộ gia đình thực hiện thụ tinh nhân tạo cho trâu bò trước tháng 6/2020 vào danh sách tháng 6 đến tháng 12/2020 là theo sự chỉ đạo của Hoa, chị Hoa nói lập như vậy sẽ được cấp bù số tinh tôi đã thực hiện dịch vụ trước đó Bản thân tôi không nhận được lợi ích gì."*.

Bị cáo Triệu Cao C khai tại BL 2298-2301*: "Tôi không nhớ thời gian cụ thể, khoảng cuối năm 2020, Hoa bảo chúng tôi đến Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Chiêm Hóa để lập danh sách, tôi và một số DTV được Hoa chỉ đạo ghi tên những hộ gia đình đã được thụ tinh vào danh sách, ghi khống cả những hộ mà trước tháng 6/2020 đã thu tinh dịch vụ vào tháng 6/2020 để quyết toán*"; Tại BL **BL 2314-2317:** *"chị Hoa chỉ đạo ghi tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò và ghi khống cả tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò thời gian từ trước ngày 01/6/2020 vào 02 danh sách trên để thực hiện quyết toán"* **- BL 2332-2333:** *"Tại cuộc họp chị Tôn Thanh H chỉ đạo các Dẫn tinh viên các xã lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020, chị Hoa chỉ đạo ghi tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò và ghi khống cả tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò thời gian từ trước ngày 01/6/2020 vào 02 danh sách trên để thực hiện quyết toán... ...Tôn Thanh H chỉ đạo tôi và các Dẫn tinh viên các lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 là để quyết toán tiền để hỗ trợ cho người dân đã thực hiện thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò"*

Bị cáo Hà Công D khai **BL 2349-2351**: "*Năm 2020 (tôi không nhớ cụ thể thời gian) tôi tham gia cuộc họp tại Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa do chị Tôn Thanh H chủ trì. Tại cuộc họp chị Tôn Thanh H chỉ đạo các Dẫn tinh viên các xã lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 để thực hiện quyết toán, chị Hoa chỉ đạo ghi tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò và ghi khống cả tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò thời gian từ trước ngày 01/6/2020 vào 02 danh sách trên để thực hiện quyết toán. Thực hiện ý kiến chỉ đạo tôi trực tiếp tiến hành lập 02 danh sách trên từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020 của xã Hòa An, cụ thể tôi viết các cột họ và tên, địa chỉ, riêng 02 danh sách tháng 8/2020 tôi được viết*

cả nội dung cột ngày cấp (tinh, vật tư), sau đó tôi ký tên vào mục dẫn tinh viên... ... Tại cuộc họp tôi tham dự của Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa chị Tôn Thanh H có chỉ đạo các dẫn tinh viên, trong đó có tôi lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 để thực hiện thanh quyết toán. Chị Hoa có chỉ đạo lấy số liệu thụ tinh nhân tạo thực tế từ thời điểm trước và sau ngày 01/6/2020 để viết vào các danh sách trên. Bản thân tôi thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của chị Hoa nên đã lập các danh sách trên và thực hiện như ý kiến chỉ đạo là lấy số liệu thụ tinh nhân tạo thực tế từ thời điểm trước và sau ngày 01/6/2020 viết vào các danh sách trên" BL 2352-2354: Bản tự khai ngày 04/5/2022 bị cáo khai*: "Hoa chỉ đạo lập danh sách A2 và A2b để thực hiện việc quyết toán"* - BL 2356-2357 bị cáo khai*: "Tại cuộc họp chị Tôn Thanh H chỉ đạo các Dẫn tinh viên các xã lập danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) thời gian từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 để thực hiện quyết toán, chị Hoa chỉ đạo ghi tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò và ghi khống cả tên các hộ gia đình đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò thời gian từ trước ngày 01/6/2020 vào 02 danh sách trên để thực hiện quyết toán"* **BL 2364-2365** *"Tôn Thanh H chỉ đạo tôi và các Dẫn tinh viên lập các danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2/DS) và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò (Mẫu A2b/DS) là để quyết toán tiền để hỗ trợ cho người dân đã thực hiện thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò."*

Bị cáo Nguyễn Thế H1 khai tại BL 2378-2387**:** "*Khi tôi lập danh sách tháng 6,7,8 xong tôi mang ra nộp tại trung tâm DVNN (Việc ký nhận là tôi ký khống), thì bà Hoa có trao đổi với tôi là tôi thống kê danh sách ít quá, bà Hoa hướng dẫn tôi và một số dẫn tinh viên xã khác là kê thêm số lượng trâu bò, số liều tinh vật tư vào, bà Hoa có nói mục đích kê thêm để quyết toán số liệu và lấy thành tích";* BL 2424-2428 bị cáo khai**: "***Khoảng tháng 9/2020 sau khi cuộc họp giao ban thú y tại Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa xong, bà Tôn Thanh H là Phó giám đốc Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa chỉ đạo các dẫn tinh viên về thống kê danh sách những hộ đã được thụ tinh nhân tạo trâu, bò, những xã không có dẫn tinh viên thì các đồng chí thú y hoặc khuyến nông xã đó liên hệ với dẫn tinh viên lấy số liệu và lập danh sách để sau này hỗ trợ cho các hộ dân, chị Tôn Thanh H có nói cho cả số liệu các hộ đã được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò từ trước ngày 01/6/2020 vào các danh sách từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020, các hộ gia đình được thêm vào thì ghi thời gian trong danh sách cho hợp lý để sau này hỗ trợ cho dân (việc ghi thời gian trong danh sách cho hợp lý có nghĩa là san đều các hộ đã được thụ tinh trước đó vào các danh sách cho đều nhau, không để tháng thì quá nhiều hộ được thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò, các tháng khác thì quá ít)".*

Lời khai của bị cáo Tôn Thanh H và các bị cáo Bàn Văn N, Linh Văn H, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Hà Công D, Hà Văn A phù hợp với lời khai của bị cáo Ma Trọng Đ tại các bút lục BL 1895-1902: *"Tại cuộc họp giao ban thú y xã tháng 5/2020 tôi*

không nhớ ai là người phát biểu mẫu A2, sau đó chị Hoa hướng dẫn các DTV viết các cột mục họ tên, thôn, ngày tháng, số trâu bò, số liều hỗ trợ phối, từ mục kinh phí và mục vật tư hỗ trợ và tổng kinh phí, nếu viết được thì viết nếu không có bỏ trống, sau đó xin xác nhận của xã và nộp cho tôi hoặc cán bộ Trung tâm để chuyển cho chị Hoa, sau đó chị Hoa chuyển lại cho tôi viết các mục trống. Một số xã do danh sách tẩy xóa nên tôi viết lại toàn bộ và gửi các DTV xin xác nhận lại. Theo chỉ đạo của chị Hoa, các DTV xem sổ tay các hộ đã thực hiện thực tế trước tháng 6/2020 thì vẫn lập vào danh sách, sau này có liều tinh thì cấp bù. Sau khi hoàn thiện danh sách tôi chuyển cho chị Hoa để làm thủ tục thanh quyết toán. Tôi không biết việc các DTV nâng khống số liều, số hộ gia đình được thu tinh nhân tạo cho trâu, bò. Tôi chỉ biết các DTV lập danh sách thụ tinh nhân tạo trước tháng 6/2020 vào danh sách từ tháng 6 đến tháng 12/2020 để thực hiện thanh quyết toán, nhưng tôi không có ý kiến gì mà vẫn hoàn thiện, tôi có hỏi chị Hoa nhưng chị Hoa chỉ đạo nên tôi tiếp tục làm."

Lời khai của các bị cáo thể hiện Bị cáo Tôn Thanh H biết từ ngày 01/6/2020 đến hết tháng 11/2020, 18 cơ sở sản xuất kinh doanh giống vật nuôi, cung cấp liều tinh theo Quyết định 228/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang không cung ứng liều tinh và vật tư cho huyện Chiêm Hoá và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chiêm Hoá không thực hiện việc trung chuyển các liều tinh trâu bò, vật tư phối giống đến người dân theo chính sách tại quyết định 03/2017/QĐ-UBND; thấy sắp hết thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ theo quyết định 03/2017/QĐ-UBND, với mục đích để được giữ lại các liều tinh, vật tư phối giống, để được cấp bù liều tinh, nhằm hỗ trợ cho các Dẫn tinh viên, các nhân viên thú ý xã, bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để tổ chức họp, chỉ đạo Ma Trọng Đ là Viên chức Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa và các Nhân viên thú ý, các Dẫn tinh viên gồm Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn A lập khống các chứng từ, danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2b/DS-TTNT* sau đó các bị cáo H, Đ hoàn thiện các thủ tục thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ thụ tinh nhân tạo trâu, bò từ ngày 01/6/2020 đến 31/12/2020 và chủ động liên hệ với Đào Đình H (giám đốc) và Nguyễn Thị Hồng T (kế toán) của Công ty Đại Dương lập khống chứng từ để thanh, quyết toán tiền hỗ trợ theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 569.430.000 đồng *(Năm trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).* Lời khai của các bị cáo đều thể hiện mục đích các bị cáo thực hiện việc lập khống các chứng từ như: Danh sách cấp tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2/DS-TTNT)* và danh sách xác nhận chưa thanh toán tiền liều tinh và vật tư phối giống cho trâu, bò *(Mẫu A2b/DS-TTNT);* các biểu tổng hợp, các thủ tục để đề nghị thanh quyết toán đều nhằm mục đích, giữ lại các liều tinh, vật tư phối giống khi thời gian thực hiện chính sách theo quyết định 03/2017/QĐ-UBND sắp hết (31/12/2020) nhằm cấp bù liều tinh, vật tư phối giống cho các dẫn tinh viên, hỗ trợ chi phí mà các nhân viên thú y, các dẫn tinh viên đã tự bỏ ra để mua liều tinh, vật tư trước đó, là vụ lợi cho nhóm các bị cáo nhân viên thú y, Dẫn tinh viên chứ không như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là nhằm hỗ trợ cho người dân.

Mặt khác, tuy các bị cáo không thừa nhận có động cơ vụ lợi nhưng hành vi của các bị cáo sau thời điểm tháng 12 năm 2020, khi đến Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa nhận các liều tinh, ni tơ, vật tư thì các bị cáo là các dẫn tinh viên đều lấy liều tinh, vật tư từ bị cáo Đ và không phải trả tiền, không hỏi giá tiền của các liều tinh, vật tư; trong khi đó nếu lấy liều tinh, vật tư tại Trung tâm gia súc lớn như các bị cáo khai tại phiên tòa thì đều phải trả tiền và giá của trung tâm gia súc lớn Trung ương rẻ hơn lấy trong trung tâm. Điều này thể hiện các bị cáo đều có động cơ vụ lợi, đều mong muốn có lợi ích vật chất khi giúp bị cáo H và bị cáo Đ lập và ký các danh sách nêu trên. Hơn nữa sau khi nhận liều tinh và vật tư từ trung tâm dịch vụ nông nghiệp các bị cáo là các dẫn tinh viên tiến hành thụ tinh nhân tạo cho trâu bò của người dân và vẫn thu tiền của những người dân với mức giá như thực hiện thụ tinh dịch vụ thông thường, những hộ dân thụ tinh cho trâu bò từ nguồn do Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp cấp giai đoạn đầu năm 2021 đều không được hưởng bất cứ lợi ích gì từ việc làm của các bị cáo, do đó không có căn cứ chứng minh mục đích các bị cáo lập hồ sơ vì mong muốn hỗ trợ cho người dân.

Đối với bị cáo Hà Văn A, là Nhân viên thú y xã Ngọc Hội bị cáo biết rõ tại địa bàn xã Ngọc Hội không thực hiện thụ tinh nhân tạo trâu, bò cho các hộ dân theo chính sách hỗ trợ theo Quyết định 03 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Kế hoạch số 102 của UBND huyện Chiêm Hóa trong thời gian từ 01/6/2020 đến 31/12/2020, nhưng bị cáo Ảnh thừa nhận có tham gia cuộc họp triển khai việc lập các chứng từ do bị cáo H chủ trì, khi được chị Ma Thị S đưa các biểu (bị cáo Đ gửi chị Sữ) thì bị cáo vẫn ký xác nhận vào mục Dẫn tinh viên tại các danh sách trên địa bàn xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa để giúp bị cáo H, bị cáo Đ hoàn thiện việc lập khống các chứng từ để làm thủ tục thanh quyết toán khống nên phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền tương ứng các biểu bị cáo đã ký.

Đối với các bị cáo là nhân viên thú y xã, là dẫn tinh viên, các tài liệu chứng cứ thể hiện các bị cáo đều được tham gia cuộc họp, hoặc được bị cáo H, Đ triển khai hướng dẫn, chỉ đạo việc kê khai các biểu mẫu, các bị cáo thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H đã kê khai các cột 1-9, để trống các cột 10-19, bị cáo ký nhận vào mục dẫn tinh viên, người cung ứng, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm tại các biểu các bị cáo ký và kê khai.

Các biểu A2 và A2b tại xã Ngọc Hội bị cáo Ảnh và bị cáo H cùng ký vào mục "Dẫn tinh viên" do vậy các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền thiệt hại theo số liệu các biểu mẫu này là phù hợp quy định của pháp luật.

Các bị cáo là Dẫn tinh viên, nhân viên thú y của xã mặc dù không phải là người có chức vụ quyền hạn trong trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện, tuy nhiên các bị cáo đều là người thực hành với vai trò giúp sức cho bị cáo Tôn Thanh H, tiếp nhận ý trí của bị cáo H và thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo H và đều với mục đích sau này được hỗ trợ, được cấp bù liều tinh, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo các bị cáo cho rằng các bị cáo không có vụ lợi, các bị cáo không phải là người có

chức vụ quyền hạn của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Từ những phân tích nêu trên Đủ căn cứ xác định Hành vi của các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D và Hà Văn A đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo Điều 356 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm xét xử và quy kết các bị cáo là đúng quy định của pháp luật, không oan.

[2.2] Hành vi của bị cáo Ma Phúc K: Bị cáo Ma Phúc K được bổ nhiệm làm trưởng phòng Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa từ năm 2016 Quá trình triển khai thực hiện quyết định số 03/2017/QĐ-UBND bị cáo đã ký xác nhận vào các chứng từ do bị cáo H thuộc trung tâm dịch vụ nông nghiệp trình ký, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại điểm b mục 4 điều 3 quyết định 03/2017/QĐ-UBND đã quy định quyền trách nhiệm của UBND cấp huyện như sau: "*Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức nghiệm thu các nội dung hỗ trợ trên địa bàn*"; Tại mục 4 phần III hướng dẫn 2668 ngày 29/12/2017 quy định chức năng nhiệm vụ của UBND huyện: "*Thành lập tổ thẩm định, tổ chức thẩm định nghiệm thu con giống vật tư thụ tinh nhân tạo...*"; Tại mục 7 phần III kế hoạch số 68/KH –UBND ngày 18/4/2019 của UBND huyện Chiêm Hóa và mục 7 phần III kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 26/5/2020 của UBND huyện Chiêm Hóa đã giao nhiệm vụ cho phòng nông nghiệp huyện cụ thể: "7. *Phòng Nông nghiệp huyện Tham mưu cho UBND huyện thành lập tổ thẩm định, giam định chất lượng con giống vật tư thụ tinh nhân tạo; tiến hành thẩm định, nghiệm thu chất lượng con giống cho các hộ chăn nuôi. Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh...*" Tại điều 1 Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 27/4/2019 của UBND huyện Chiêm Hóa và Điều 1 quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 đã quyết định thành lập tổ thẩm định nghiệm thu con giống, vật tư thụ tinh nhân tạo trong đó tổ trưởng là lãnh đạo phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, tổ phó là lãnh đạo trạm chăn nuôi thú y, Quá trình thực hiện UBND huyện Chiêm Hóa tiếp tục ban hanh văn bản số 1865/UBND-NLN ngày 04/11/2020 với nội dung: "*Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu... ...4. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu xác nhận kết quả hỗ trợ tinh, vật tư thụ tinh nhân tạo cho trâu bò trên địa bàn huyện*"

Như vậy tại quyết định số 03/2017/QĐ-UBND đã quy định UBND cấp huyện được quyền chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của UBND huyện tổ chức nghiệm thu các nội dung theo quyết định 03/2017/QĐ-UBND; Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa đã ban hành các quyết định thành lập tổ thẩm định số 1509/QĐ-UBND và quyết định số 4153/QĐ-UBND đều xác định Lãnh đạo phòng Nông nghiệp là tổ trưởng tổ thẩm định, quá trình thực hiện UBND huyện Chiêm Hóa ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đôn đốc thực hiện như: Kế hoạch 68/KH –UBND ngày 18/4/2019, kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 26/5/2020, văn bản số 1865/UBND –NLN ngày 04/11/2020 đều với nội dung giao cho phòng Nông nghiệp huyện thực hiện nhiệm vụ thẩm định nghiệm thu, xác nhận kết quả hỗ trợ tinh, vật tư thụ tinh nhân tạo cho trâu bò trên địa bàn huyện;

Bị cáo Ma Phúc K là trưởng Phòng nông nghiệp, với chức năng, nhiệm vụ là Tổ trưởng tổ thẩm định (thời điểm này phó phòng nông nghiệp nghỉ thai sản) theo các quy định tại Quyết định 03/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh, các quyết định 1509/QĐ-

UBND; 1453/QĐ-UBND các kế hoạch số 68/KH-UBND, số 102/KH-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa nhưng bị cáo không triển khai thực hiện các quyết định này, không tổ chức thẩm định theo các quy định tại các quyết định nêu trên, khi bị cáo Tôn Thanh H là tổ phó tổ thẩm định trình các chứng từ do bị cáo H và các bị cáo khác lập khống, bị cáo Ma Phúc K đã ký mà không thẩm định, không kiểm tra theo quy định dẫn tới các cơ quan cấp trên như UBND huyện ký xác nhận, Sở Nông nghiệp, Sở tài chính thẩm tra chứng từ và duyệt chi số tiền 569.430.000đ chuyển vào tài khoản công ty Đại Dương, gây thất thoát cho ngân sách nhà nước số tiền 569.430.000đ; Quá trình triển khai thực hiện quyết định số 03/2017/QĐ-UBND UBND huyện bạn hành các kế hoạch 68, 102 đây là các kế hoạch và giao nhiệm vụ cụ thể cho phòng nông nghiệp, kế hoạch số 102 có sự thay đổi so với kế hoạch số 68 tuy nhiên không làm thay đổi vai trò, trách nhiệm của bị cáo Ma Phúc K theo các quyết định số 1509, 4153, hướng dẫn 2668, do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Ma Phúc K.

Hành vi của bị cáo Ma Phúc K là thiếu trách nhiệm, không thực hiện, thực hiện không đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao gây thiệt hại số tiền 569.430.000đ nên đủ yếu tố cấu thành tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 360 Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo là có căn cứ, không oan.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của các bị cáo, luận cứ của những người bào chữa đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét thấy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng như phân tích tại mục [2] nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, HĐXX thấy rằng: Đối với chủ tịch, phó chủ tịch UBND các xã ký xác nhận các biểu A2 và A2b, số lượng tiền ký xác nhận đều dưới 100.000.000đ, hành vi của những người này đã được cơ quan điều tra chuyển hồ sơ tài liệu để xem xét xử lý hành chính là đúng quy định.

Đối với Sở nông nghiệp, Sở tài chính quá trình điều tra xác định không đủ căn cứ quy kết các cơ quan này thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; Đối với ông Ma Công Duyệt - Giám đốc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Chiêm Hóa, tại thời điểm Tôn Thanh H và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, Ma Công Duyệt có quyết định cử đi học (tiếng dân tộc tại huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và lớp bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng tại Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang). Ông Ma Công Duyệt đã giao cho Tôn Thanh H là phó giám đốc phụ trách lĩnh vực Thú y – Chăn nuôi – Thủy sản chủ động, trực tiếp triển khai thực hiện Quyết định 03/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch số 102 của UBND huyện Chiêm Hóa. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không đủ căn cứ xác định ông Ma Công Duyệt có vai trò đồng phạm với các bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Hà Đình K, viên chức, Nguyễn Thị N, Kế toán; Triệu Xuân H; Hoàng Văn H, Ma Bá T, Ma Thị S và Nguyễn Đăng T, Nông Kim T đều là viên chức thuộc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Chiêm Hóa vì những người này cùng giúp hoàn thiện các chứng từ, và nội dung kháng cáo đề nghị giám định các cột 10 đến 19 tại các biểu A2,A2B và điều tra xác minh làm rõ ai là người kê vào các cột này; HĐXX thấy rằng: Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định hành vi của những người này đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó

các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện không khởi tố, truy tố xét xử những người này là đúng quy định của pháp luật; Các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa sơ thẩm như lời khai của các bị cáo H, Đ về vai trò của những người này cũng như tài liệu do luật sư Hưng xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng Hà Đình Khẩn cũng thực hiện việc hoàn thiện các biểu mẫu chứng từ, HĐXX thấy rằng: Ngoài lời khai của bị cáo H, bị cáo Đ không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nội dung lời khai các bị cáo, hơn nữa quá trình điều tra bị cáo Ma Trọng Đ khai nhận tại BL 1911-1912: *"...Ngoài hoàn thiện chứng từ quyết toán từ cột đến 19 của một số xã như đã khai báo trước thì tôi không biết còn ai hoàn thiện chứng từ nào khác*" Do đó chưa đủ căn cứ quy kết Hà Đình Khẩn và các viên chức khác đồng phạm với các bị cáo trong vụ án này; Hơn nữa tại mục **[10]** bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Viện kiểm sát Chiêm Hóa tiếp tục điều tra làm rõ nội dung này, do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị giám định chữ viết, con dấu của các chủ tịch, phó chủ tịch UBND các xã, HĐXX thấy rằng quá trình điều tra cơ quan điều tra đã lấy lời khai các chủ tịch, phó chủ tịch xã những người này đều thừa nhận việc ký xác nhận và đóng dấu vào các biểu A2, A2b do vậy không cần thiết phải hủy bản án để giám định chữ ký, con dấu của những người này.

[4] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin chuyển tội danh, xin hưởng án treo của bị cáo Ma Trọng Đ: Hành vi của bị cáo Ma Trọng Đ là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn, làm trái công vụ gây thiệt hại cho nhà nước do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo chuyển tội danh đối với bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình thêm các tài liệu chứng cứ mới như bằng khen, huy chương kháng chiến của ông nội bị cáo, các giấy khen của bị cáo, bằng khen năm 2004, chứng nhận chiến sỹ thi đua cơ sở 2017, 2018 của bị cáo, bằng khen của chủ tịch tỉnh Xiêng Khoảng – Lào, Tuy nhiên HĐXX thấy rằng hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, vai trò của bị cáo trong vụ án chỉ đứng sau bị cáo H, bị cáo bị truy tố xét xử theo khoản 2 điều 356 Bộ luật Hình sự khởi điểm khung hình phạt là 5 năm tù, mức án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là đã thể hiện sự kH hồng đối với bị cáo, hơn nữa tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm mặc dù bị cáo thành khẩn khai báo, tuy nhiên bị cáo luôn cho rằng hành vi của bị cáo là làm theo sự chỉ đạo của bị cáo H, bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội của mình là làm sai quy định, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, làm ảnh hưởng xấu đến việc triển khai chính sách hỗ trợ cho người dân của chính phủ, bị cáo không tỏ ra ăn năn hối cải, do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo

[5] Từ những phân tích nêu trên HĐXX thấy rằng các nội dung kháng cáo của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Ma Phúc K, Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn A, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 58/2023/HS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang đối với các bị cáo như sau:

Căn cứ vào các Điều 104, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 41, 54, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tôn Thanh H;

Căn cứ vào điểm c khoản 2, 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 41, 54, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ma Trọng Đ;

Căn cứ vào điểm c khoản 2, 4 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 41, 54, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ma Phúc K;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Linh Văn H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế H1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn M;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Triệu Cao C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 36 Bộ luật Hình sự Bàn Văn N;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Công D;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn A;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Tôn Thanh H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 05/4/2022 đến ngày 31/10/2022.

Xử phạt bị cáo Ma Trọng Đ 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 05/4/2022 đến ngày 24/10/2022.

Xử phạt bị cáo Ma Phúc K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Phúc Thịnh, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Linh Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã

Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Minh Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Triệu Cao C 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Ma Phúc K, Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M và Triệu Cao C cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Xử phạt bị cáo Bàn Văn N 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hà Công D 01 (một) năm 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hà Văn A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn A.

2. Về hình phạt bổ sung.

Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Tôn Thanh H 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Ma Trọng Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Ma Phúc K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý tài sản thu giữ: Trả lại 02 (hai) bình bằng kim loại màu trắng, nắp nhựa màu xanh đen, bên ngoài bình có bọc da màu xám, cả hai bình đều có nhãn hiệu YDS-35-80 CHART IGOLDEN PHOENIX cho Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

4. Về án phí:

Các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Ma Phúc K, Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

II. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Tôn Thanh H, Ma Trọng Đ, Ma Phúc K, Linh Văn H, Nguyễn Thế H1, Hoàng Văn M, Triệu Cao C, Bàn Văn N, Hà Công D, Hà Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/3/2024)./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh TQuang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Chiêm Hoá;
- VKSND huyện Chiêm Hoá;
- CQCSĐT Công an huyện Chiêm Hoá;
- Chi cục THA huyện Chiêm Hoá;
- Ban Thường vụ huyện uỷ Chiêm Hoá;
- UBKT huyện uỷ Chiêm Hoá;
- Bị cáo; Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ma Ngọc Trung